

PHẦN VI

CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

Quyết định: 3235/QĐ-SHTT, ngày 16/08/2016

Số đơn: 6-2011-00003 (220) Ngày nộp đơn: 25/07/2011

Chủ đơn: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum (địa chỉ: số 68 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum), Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam (địa chỉ: số 54 Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam).

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số: 00049

Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam.

Chỉ dẫn địa lý : Ngọc Linh

Sản phẩm : Sâm củ

Khu vực địa lý : xã Măng Ri, xã Ngọc Lây thuộc huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum, xã Trà Linh thuộc huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam (theo bản đồ khu vực địa lý nêu tại Điều 2).

Tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm

* Hình thái:

- Thân khí sinh thẳng đứng, màu lục hoặc hơi tím.
- Thân rễ nhiều đốt, cong ngoằn ngoèo, dài 3,5 cm - 10,5 cm, đường kính 0,5 - 2,0 cm. Mặt ngoài có màu nâu hoặc màu vàng xám.

- Rễ củ có dạng hình con quay dài 2,4 - 4 cm, đường kính 1,5 - 2 cm. Rễ củ màu nâu nhạt, có những vân ngang và các nốt rễ con. Thể chất nạc, chắc, khó bẻ gãy.

- Trọng lượng sâm tươi trung bình nguyên rễ to:

+ 4 năm: 16,2 g;

+ 5 năm: 18,6 g;

+ 6 năm: 23,2 g;

+ 7 năm: 25,6 g;

+ 8 năm: 27,5 g;

+ 9 năm: 28,2 g;

+ 10 năm: 30,5 g;

+ 15 năm: 32,2 g.

- Trọng lượng sâm khô trung bình:

+ 4 năm: 4,13 g;

+ 5 năm: 4,89 g;

- + 6 năm: 6,19 g;
- + 7 năm: 6,92 g;
- + 8 năm: 7,53 g;
- + 9 năm: 7,83 g;
- + 10 năm: 8,71 g;
- + 15 năm: 9,47 g.

*** Chất lượng:**

- Hàm lượng saponin toàn phần trung bình theo các độ tuổi:

- + 4 năm: $7,15 \pm 0,1411$ %;
- + 5 năm: $8,91 \pm 0,1375$ %;
- + 6 năm: $10,67 \pm 0,2792$ %;
- + 7 năm: $12,43 \pm 0,2984$ %;
- + 8 năm: $14,19 \pm 0,0158$ %;
- + 9 năm: $15,94 \pm 0,2862$ %;
- + 10 năm: $19,75 \pm 0,2712$ %;
- + 15 năm: $19,93 \pm 0,7299$ %.

- Hàm lượng các hợp chất chính trong saponin bao gồm Gingsenosid Rg₁ (G-Rg₁), Majonosid R2 (MR2), Gingsenosid Rb₁ (G-Rb₁):

- + 4 năm: G-Rg₁: $1,11 \pm 0,0032$ %; MR2: $2,04 \pm 0,0024$ %; G-Rb₁: $0,99 \pm 0,0087$ %;
- + 5 năm: G-Rg₁: $1,55 \pm 0,0088$ %; MR2: $3,12 \pm 0,0538$ %; G-Rb₁: $1,37 \pm 0,0207$ %.
- + 6 năm: G-Rg₁: $2,28 \pm 0,0445$ %; MR2: $3,73 \pm 0,0823$ %; G-Rb₁: $1,76 \pm 0,1400$ %;
- + 7 năm: G-Rg₁: $3,19 \pm 0,0375$ %; MR2: $4,35 \pm 0,0399$ %; G-Rb₁: $2,46 \pm 0,0302$ %;
- + 8 năm: G-Rg₁: $3,58 \pm 0,1418$ %; MR2: $4,96 \pm 0,0606$ %; G-Rb₁: $2,75 \pm 0,0498$ %;
- + 9 năm: G-Rg₁: $3,62 \pm 0,0483$ %; MR2: $5,58 \pm 0,0768$ %; G-Rb₁: $2,98 \pm 0,0552$ %;
- + 10 năm: G-Rg₁: $3,99 \pm 0,0480$ %; MR2: $7,46 \pm 0,0176$ %; G-Rb₁: $3,35 \pm 0,0715$ %;
- + 15 năm: G-Rg₁: $4,51 \pm 0,0346$ %; MR2: $7,97 \pm 0,0391$ %; G-Rb₁: $3,74 \pm 0,0806$ %.

Tính chất đặc thù về điều kiện địa lý:

** Đặc thù về địa hình:*

Khu vực địa lý thuộc khối núi Ngọc Linh nằm trên địa bàn hai tỉnh Quảng Nam và Kon Tum, độ cao từ 1800m đến 2500m, có độ phân cách mạnh, độ dốc lớn, có nhiều thung lũng hẹp và sâu.

** Đặc thù về khí hậu:*

- Lượng mưa: Tổng lượng mưa trung bình cả năm từ 2800mm – 3400mm, tập trung vào thời gian từ tháng Sáu đến tháng Chín;

- Nhiệt độ: Tổng lượng nhiệt cả năm dưới 7500°C. Nhiệt độ trung bình năm khoảng từ 14 - 18°C. Tháng Một và tháng Mười Hai có nhiệt độ thấp, trung bình khoảng 8-11°C, tháng Tư và

tháng Năm có nhiệt độ cao, trung bình khoảng 20-23 °C. Biên độ nhiệt ngày đêm của khu vực địa lý từ 8-9 °C.

- Độ ẩm: Độ ẩm trung bình năm từ 85,5-87,5%, tháng cao nhất (tháng Tám) đạt 94-95%.
- Lượng bốc hơi: Tổng lượng bốc hơi trung bình năm từ 670-770mm.

** Đặc thù về thảm thực vật:*

Khu vực địa lý có thảm thực vật là rừng nguyên sinh của hai tỉnh Quảng Nam và Kon Tum gồm các cây lá rộng thường xanh, tre nứa và lá kim.

** Đặc thù về thổ nhưỡng:*

Khu vực địa lý có duy nhất nhóm đất xám, hình thành tại chỗ, phân bố trên nhiều dạng địa hình khác nhau. Thành phần cơ giới của đất là từ thịt pha cát đến thịt pha sét và cát. Cấp hạt cát từ 55,1-67,0%. Cấp hạt thịt từ 7,1-17,6%. Sét từ 20,0-33,3%. Độ ẩm đất từ 15,8-20,6%. Các loại đất đều chua pH_{H₂O} từ 3,7-4,3; pH_{KCL} khoảng 3,0-3,7. Dung tích hấp thu CEC ở mức trung bình, từ 7,14-12,86 meq/100g đất, tổng các Cation kiềm trao đổi ở mức thấp, từ 0,85-1,85 meq/100g. Đất có hàm lượng cacbon hữu cơ, đạm tổng số ở mức rất cao. Độ chua trao đổi từ 0,30 - 1,39 meq/100g đất.

Quy trình kỹ thuật sản xuất

Chọn và lấy giống

- Giống sâm được lấy từ hạt cây mẹ có độ tuổi từ 4 năm trở lên. Cây sâm mẹ cần đáp ứng điều kiện không bị sâu bệnh, không bị tổn thương cơ giới hoặc các tổn thương khác, có biểu hiện tiêu biểu của giống và được chăm sóc đặc biệt.

- Hạt giống của cây sâm mẹ phải đạt độ chín, quả có màu đỏ tươi và xuất hiện chấm đen ở đầu.

- Thu hái hạt giống 2 ngày một lần, thu làm nhiều lần (ít nhất 3 lần).

- Tiêu chuẩn cây giống: Cây giống 1 tuổi cần đạt các chỉ tiêu sau:

+ Về hình thái: Lá xanh hoặc xanh đậm, không bị đốm hay úa vàng.

+ Chiều cao thân trung bình: 13,5 - 15,0cm.

+ Chiều dài củ: Từ 1,0cm trở lên.

+ Đường kính củ: Từ 0,8cm trở lên.

+ Cây giống đạt 2 tuổi mới đem trồng.

Kỹ thuật trồng

- Chọn đất và vị trí tạo vườn: trồng sâm tại các sườn núi phía Đông, dưới tán rừng già tự nhiên, được che bóng từ 70-90%.

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 343 TẬP B (10.2016)

- Làm đất phát nương: phát bỏ các cây bụi, cây con thấp dưới 5m. Dọn sạch đá, cây đổ, san lấp chỗ trũng hoặc gò quá cao. Sau 2-3 tuần, cuốc đất, để ải, đập nhỏ và lên luống. Luống đánh theo chiều dễ thoát nước hoặc trừ rãnh luống để thoát nước.

- Thời vụ trồng: Vụ 1 từ tháng 10 đến tháng 11 hàng năm, vụ 2 từ tháng 2 đến tháng 3 hàng năm.

- Khoảng cách mật độ: Hạt được gieo trong rãnh sâu 15-20cm. Hạt được đãi vỏ và xử lý ngâm trong nước tơi với tỷ lệ 1 tơi: 9 nước. Sau khi gieo, rào lưới bảo vệ và phủ cỏ tranh lên mặt luống trong suốt mùa mưa. Khoảng cách trồng cây từ 20 - 30cm.

Kỹ thuật chăm sóc và thu hoạch:

- Chăm sóc: làm giàn che nắng bằng tre, nứa, không để nhiều ánh sáng trực xạ chiếu vào vườn sâm. Đảm bảo vườn thường xuyên có mùn núi phủ luống, không để luống sâm bị trơ đất. Làm cỏ bằng tay.

- Bón phân: sau khi lên luống, để ải mặt luống 1-2 tuần, dùng mùn núi hoai mục, ủ đông, rải đều lên mặt luống 5-10cm, cuốc tại chỗ để cho mùn núi trộn lẫn với đất ở chiều sâu. Phủ thêm một lớp mùn núi dày 7-10cm. Để nguyên luống cho đến lúc trồng cây.

- Thu hoạch và bảo quản sâm: thu hoạch các cây sâm có độ tuổi từ 6 năm trở lên. Sau khi thu hoạch, rửa sạch, cắt hết rễ phụ, sau đó đem phơi hoặc sấy khô. Củ khô được bảo quản trong túi chống ẩm và để nơi khô ráo.

Chế biến sâm củ:

- Phơi khô: Củ sâm sau khi đào được rửa bằng nước, loại bỏ đất và nấm, đem phơi dưới ánh nắng mặt trời hoặc sấy khô trên bếp củi.

- Ngâm rượu hoặc mật ong: củ sâm đã làm sạch được thái nhỏ hoặc để nguyên củ, phơi trong không khí từ 6-8 giờ, sau đó đổ rượu hoặc mật ong vào ngâm.

Để tươi: bảo quản được trong vòng 10 - 15 ngày.

Quyết định: 3349/QĐ-SHTT, ngày 19/08/2016

Số đơn: 6-2014-00002

Ngày nộp đơn: 26/11/2014

Chủ đơn: Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo

Địa chỉ: Đường 20/8, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và Đầu tư (CONCETTI)

Địa chỉ: Tầng 5, 38 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số: 00050

Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng